

Bản án số: 17/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 4 - 2021

V/v: *Tranh chấp ly hôn*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thọ

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Cao Minh Ngoan

2. Bà Lê Thị Chói

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Diễm My- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Bà Phan Thị Hồng Thắm – kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2021/TLST-HNGĐ ngày 20/01/2021 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự.

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Huỳnh N (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hoàng L (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn ngày 04/01/2021, các văn bản tố tụng và tại tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huỳnh N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Hoàng L tự nguyện kết hôn với nhau và đi đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã Đ.

Sau khi kết hôn, anh, chị chung sống hạnh phúc với nhau được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh, chị thường xuyên cự cãi nhau. Ngoài ra, anh L không lo làm ăn mà chơi bời và tự gây nợ bên ngoài, chị đã phải trả nợ thay cho anh nhiều lần nhưng anh vẫn không chịu sửa đổi bản thân. Anh, chị ly thân nhau vào khoảng năm 2012 – 2013 đến nay không ai quan tâm ai.

Về con chung gồm có: Cháu Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 17/5/2005 và cháu Nguyễn Huỳnh Th sinh ngày 09/6/2012. Từ khi ly thân đến nay các con do chị nuôi dưỡng.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể hàn gắn chung sống hạnh phúc với nhau được nên chị N yêu cầu xin ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị yêu cầu được nuôi cả hai con chung. Chị không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Hoàng L đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến Tòa nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về tố tụng. Đối với những người tham gia tố tụng, nguyên đơn chấp hành còn bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 53, 56, 58, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án để chấp nhận yêu cầu ly hôn và chấp nhận yêu cầu nuôi hai con chung của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh L vắng mặt dù đã được Tòa án thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét về quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh L thấy rằng chị N và anh L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Anh, chị đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã Đ. Tại thời điểm đăng ký kết hôn anh, chị có đủ điều

kiện kết hôn, việc kết hôn là tự nguyện và được thực hiện tại cơ quan có thẩm nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống với nhau giữa anh, chị đã phát sinh mâu thuẫn. Theo chị N thì nguyên nhân mâu thuẫn do giữa anh, chị bất đồng quan điểm sống. Anh, chị thường xuyên cự cãi nhau. Ngoài ra, chị N còn cho rằng anh L chơi bời và gây ra nợ nần bên ngoài, chị vừa làm nuôi các con và vừa trả nợ thay cho anh nhiều lần nhưng anh vẫn không sửa đổi. Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa, anh L được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần. Mặc dù có nhận được thông báo của Tòa án nhưng anh L không đến Tòa để biết ý kiến, nguyện vọng, không tham gia hòa giải hàn gắn đoàn tụ. Điều đó chứng tỏ anh L không quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân và cũng không có thiện chí muốn được hàn gắn đoàn tụ. Từ đó xác định mâu thuẫn giữa chị N và anh L đã trầm trọng, thời gian ly thân đã khá dài, nếu kéo dài thêm thời gian thì mối quan hệ hôn nhân cũng không thể nào hàn gắn lại được nên yêu cầu xin được ly hôn của chị N là có cơ sở để chấp nhận.

[2.2]. Về yêu cầu nuôi con chung: Anh, chị có 02 con chung gồm cháu Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 17/5/2005 và cháu Nguyễn Huỳnh Th, sinh ngày 09/6/2012. Hội đồng xét xử thấy rằng hiện tại cả hai cháu đang do chị N nuôi dưỡng. Hai cháu cũng có ý kiến, nguyện vọng được ở với chị N. Qua xác nhận của địa phương thể hiện trong thời gian qua chị N nuôi, chăm sóc các con chu đáo. Về phía anh L, trong quá trình giải quyết vụ án cũng không có ý kiến, yêu cầu được nuôi con chung. Do đó, để đảm bảo quyền lợi cũng như ổn định cuộc sống, đồng thời tôn trọng ý kiến, nguyện vọng của hai cháu, cần chấp nhận giao cả hai cháu cho chị N nuôi dưỡng. Anh L chưa ai phải cấp dưỡng nuôi con do chị N chưa yêu cầu. Dành quyền thăm và chăm sóc con chung cho anh L không ai có quyền cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Khai không có, không yêu cầu nên không đề cập xem xét.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56; Điều 81; Điều 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Huỳnh N và anh Nguyễn Hoàng L.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Huỳnh N được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng T sinh ngày 17/5/2005 và cháu Nguyễn Huỳnh Th, sinh ngày 09/6/2012 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh L chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm và chăm sóc con chung cho anh L không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung; nợ chung: Khai không có, không yêu cầu nên không xem xét.

4. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Huỳnh N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0007610 ngày 20/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Chị N đã nộp đủ án phí.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

-

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân T. Hậu Giang
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục thi hành án huyện Châu Thành;
- Cơ quan nơi thực hiện đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN**

(đã ký)

LÊ THỊ THỌ